TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **175/**2023/HNGĐ - ST
Ngày: 17/4/2023
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Tài.**
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Lê Anh Chiến**
2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đỗ Thanh Phong** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà:* ông **Đỗ Huỳnh Thanh Tân** Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 482/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Đặng Thị Mỹ A, sinh năm 1994** (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Cao Minh B, sinh năm 1992** (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện X, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị Mỹ A trình bày:*

Chị và anh B qua quen biết, tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới năm 2019, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N1 cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19 ngày 22/02/2020. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống hạnh phúc cho đến khoảng đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh B không quan tâm gia đình, vợ con; anh có quan hệ tình cảm nam nữ và chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác. Chị đã nhiều lần khuyên nhưng anh không sửa đổi làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng mà không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: anh, chị có con chung tên Cao Kỳ C, sinh ngày 08/5/2021, đang sống cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: chị và anh B không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B xin thời gian để suy nghĩ việc ly hôn cũng như hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng từ đó đến nay, anh B không có bất kỳ hành động nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị cương quyết xin ly hôn với anh B.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn Cao Minh B trình bày:*

Anh thống nhất lời trình bày của chị A về thời gian cưới, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là khoảng tháng 5/2022, anh có quan hệ tình cảm nam nữ và chung sống với người phụ nữ khác, A và hai bên gia đình biết, do anh cũng có phần nóng tính nên có đánh A. Anh nhận thấy hành vi của anh là sai và có lỗi với A nên mong muốn được hàn gắn tình cảm với A. Anh và chị A ly thân nhau đến nay gần 01 năm, anh không có đến rước, không liên lạc cũng như khuyên A quay về để vợ chồng chung sống nhưng anh muốn vợ chồng hàn gắn và xin thời gian suy nghĩ việc ly hôn. Nay anh không đồng ý ly hôn với A vì còn thương vợ, con.

Về con chung: hiện nay con đang sống ổn định với A. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh đồng ý để A trực tiếp nuôi con, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị A không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh B vắng mặt không lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn cương quyết xin ly hôn mặc dù bị đơn không đồng ý ly hôn chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B. Đối với yêu cầu về con chung: cháu Kỳ C hiện đang sống ổn định với chị A, chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng; tại biên bản hòa giải, anh B đồng ý giao chị A được quyền nuôi con chung và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử giao chị A trực tiếp nuôi con chung, buộc anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng. Các bên thống nhất không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Cao Minh B được Tòa án triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định căn cứ theo quy định tại khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh B.

[2] Chị A và anh B qua quen biết, tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới năm 2019, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã N1, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19 ngày 22/02/2020 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh B thường trú tại ấp M1, xã N1, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Nay chị A xin ly hôn với anh B, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "xin ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo và được xem xét giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và quy định pháp luật có liên quan.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa, chị A vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh B vì thời gian qua anh B có quan hệ tình cảm nam nữ, chung sống với người phụ nữ khác, anh và chị A xảy ra mâu thuẫn, chị đã khuyên ngăn nhưng anh không sửa đổi, có lần anh còn đánh chị. Chị không còn tình cảm vợ chồng với anh B, chị và anh đã ly thân nhau đến nay đã gần 01 năm; tại phiên tòa, anh B vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh B không đồng ý ly hôn vì anh biết anh đã sai và sẽ sửa sai, anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị A, mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm.

Xét thấy, mâu thuẫn ban đầu giữa vợ chồng không lớn nhưng anh, chị không tự khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm nên chị A xin ly hôn. Tại phiên tòa, chị A vẫn cương quyết xin ly hôn mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, anh B không đồng ý ly hôn và xin thời gian để hàn gắn tình cảm, Tòa án đã tổ chức hòa giải và tạo điều kiện về thời gian để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng tại phiên tòa, anh B vắng mặt không đến dự phiên tòa đến lần thứ hai chứng tỏ anh B không còn thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị A và hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A, cho chị được ly hôn với anh B.

[4] Về con chung: Chị A và anh B có 01 con chung tên Cao Kỳ C, sinh ngày 08/5/2021, đang sống với chị A. Ly hôn, chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

Xét thấy, cháu Kỳ C dưới 36 tháng tuổi, đang sống ổn định với chị A và anh B cũng đồng ý giao chị A trực tiếp nuôi dưỡng do đó để đảm bảo cho cháu Kỳ C

có cuộc sống ổn định, phát triển toàn diện về mọi mặt, cần giao chị A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Kỳ C do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, giao chị A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kỳ C là phù hợp quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

[5] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, anh B vắng mặt, chị A vẫn giữ yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Xét thấy: Tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình quy định nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con. Điều luật quy định "*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con*.".

Do đó, chị A yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng: Chị A yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng. Xét thấy, tại phiên tòa, anh B vắng mặt tuy nhiên tại biên bản hòa giải tại Tòa án, anh B đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng do anh có kinh doanh quán nước giải khát, thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng chấp nhận yêu cầu của chị A, buộc anh B cấp dưỡng nuôi Cao Kỳ C mỗi tháng 4.000.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh B cùng trình bày anh, chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị A phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh B phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[8] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị A có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng anh B tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

[9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn cũng như yêu cầu nuôi con chung, cấp

dưỡng nuôi con chung. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

<u>Xử:</u> Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Mỹ A.

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Mỹ A được ly hôn với anh Cao Minh B.

2. Về con chung:

+ Chị Đặng Thị Mỹ A được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Cao Kỳ C, sinh ngày 08/5/2021;

+ Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

+ Anh Cao Minh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Cao Kỳ C, sinh ngày 08/5/2021 mỗi tháng 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng*), bắt đầu cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật;

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu anh Cao Minh B chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng anh còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Đặng Thị Mỹ A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0025202 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy, chị A đã nộp xong án phí.

Anh Cao Minh B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị A có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng anh B tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Văn Tài

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã N1;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.